

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-PT
Ngày 12 - 04 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 34/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Bạc T, sinh năm 1948; cư trú tại: Số 297, đường T, Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn B, sinh năm 1942; cư trú tại: Số 6/48, đường T, Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lâm Văn B: Chị Lâm Thanh T, sinh năm 1979; cư trú tại: Số 6/48, đường T, Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lâm Văn B: Bà Lê Ngọc N, là Luật sư của Chi nhánh Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố C (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Cẩm L, sinh năm 1949; cư trú tại: Số 297, đường T, Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; trụ sở: Số 12, đường T, Khóm 4, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Hoàng L, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo của:* Bị đơn ông Lâm Văn B, sinh năm 1942; cư trú tại: Số 6/48, đường T, Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Bạc T trình bày:

Ngày 16/7/1969, cha ông là Huỳnh S nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn N phần đất diện tích 7ha 91a 2 ca (7 mẫu 91.20 ruộng), thuộc bằng khoán số 127 lô 23, tờ thứ 6, tọa lạc tại xã V, Bạc Liêu (nay thuộc đường T Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu); sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông S đồng ý cho nhiều hộ dân khác có nhu cầu chôn cất người thân trong một phần đất giáp lộ và do là đất mồ mã nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1977, cha mẹ ông mất thì ông tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất này. Trong quá trình sử dụng đất thì ông có kê khai, đăng ký và nộp thuế đầy đủ.

Năm 1988, ông Lâm Văn B ở đậu trên rẫy của mẹ ông Tăng Văn C là bà T, hiện đang ở tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, phần đất này trước đây ông T đã chuyển nhượng cho bà T. Ông B bị bà T đuổi, không có chỗ ở, ông B đã đến đất của ông T che chùi ở tạm, ông T không đồng ý, ông B có năn nỉ vợ ông T, thấy tình cảnh tội nghiệp nên gia đình ông T cũng bỏ qua cho ở tạm. Sau đó, ông Lâm Văn B san lấp, lấn chiếm đất rộng thêm, cho nên ông T có làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân P giải quyết vào năm 2003. Đến ngày 04/7/2003, ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 100m² (chiều ngang 10 x chiều dài 10m); sau đó ông B chuyển nhượng lại cho người khác; diện tích đất còn lại ông B quản lý, sử dụng, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu ông B trả lại cho ông diện tích đất 376,7m², tại thửa số 57, tờ bản đồ số 3, phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu ông B trả cho ông số tiền 81.852.510 đồng mà ông B đã nhận tiền bồi thường phần đất lấn chiếm của ông. Ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông B trả cho ông phần đất qua đo đạc thực tế, sau khi đã trừ phần đất bị Nhà nước thu hồi là 51,1m² và số tiền 61.113.690 đồng.

Bị đơn ông Lâm Văn B và người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn B là bà Lâm Thanh T trình bày:

Năm 1977, ông không có chỗ ở, thấy phần đất nương lộ cặp lộ V trống, nên bồi đắp và cất một cái nhà nhỏ để ở; phần đất nương lộ là đất công cộng của nhà nước, nên khi ông san lấp đất cất nhà ở không hỏi xin ai. Phía sau nương lộ là khu đất chòm mã trước đây là của ông K, ông K cho những người không có chỗ chôn cất chôn người thân, từ từ hình thành chòm mã. Đất của ông sử dụng giáp với lộ, rồi đến phần đất mồ mã, sau đó mới đến đất ông Huỳnh Bạc T. Ông đã sử dụng đất ổn định từ năm 1977 đến nay và trong quá trình sử dụng đất, ông có bồi đắp thêm rộng ra. Ngày 04/7/2003, ông có kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất một phần đất chiều ngang 10m, chiều dài 10m và ông đã chuyển nhượng cho người khác hết phần đất này, họ tên đầy đủ người nhận chuyển nhượng thì ông không nhớ. Hiện nay, ông đang sử dụng phần đất qua đo đạc thực tế là 336,8m², phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong thời gian ông sử dụng đất, vào khoảng năm 2006, Nhà nước thu hồi đất để mở lộ, ông có nhận được một khoản tiền bồi thường, cụ thể bao nhiêu không nhớ, diện tích đất thu hồi bao nhiêu cũng không nhớ. Phần đất ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 100m², đã chuyển nhượng cho người khác trước khi nhà nước thu hồi đất, nên không có nhận tiền bồi thường đối với phần đất này.

Đối với phần đất ông đang sử dụng qua đo đạc thực tế là 336,8m², trong đó có một phần nhà nước đã thu hồi và bồi thường. Căn nhà trên đất hiện nay không nằm trong phạm vi nhà nước thu hồi. Khi nhà nước thu hồi đất vào năm 2006 thì căn nhà nằm trong phạm vi thu hồi đất, nhà nước đã bồi thường cho ông và ông đã tháo dỡ nhà dời vô trong như hiện trạng hiện nay. Từ mí nhà của ông hiện nay vô phía trong là phần đất chưa bị thu hồi, từ mí nhà ra lộ nhà nước đã thu hồi đất vào năm 2006. Phần đất ông hiện đang sử dụng không phải là đất của ông T, đây là đất của nhà nước, ông có công khai phá, gìn giữ từ năm 1977 đến nay, nên ông không chấp nhận theo yêu cầu của ông T. Vào cuối năm 2017, ông T đã lấn chiếm một phần đất của ông, diện tích qua đo đạc thực tế là 263,8m² trong tổng diện tích 336,8m². Nay ông yêu cầu ông T trả lại cho ông phần đất đã lấn chiếm có diện tích qua đo đạc thực tế 263,8m², thửa số 57, tờ bản đồ số 3. Phần đất và tài sản trên đất đang tranh chấp là thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Cẩm L thống nhất với lời trình bày của ông T, không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố B vắng mặt nên không có lời trình bày.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bạc T về việc yêu cầu ông Lâm Văn B giao trả quyền sử dụng đất diện tích 51,1m², thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 3 lập năm 1999, địa chỉ đất tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và trả lại tiền nhận bồi thường thu hồi đất.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lâm Văn B về việc yêu cầu ông Huỳnh Bạc T giao trả quyền sử dụng đất diện tích 263,8m² tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Buộc ông Lâm Văn B giao cho ông Huỳnh Bạc T diện tích đất 51,1m², thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và tài sản gắn liền với đất gồm căn nhà loại IV.2C3, khung cột bê tông cốt thép, mái Fibro Ciment, đòn tay gỗ dầu, vách thiếc, nền gạch Cement, diện tích 45,6m²; căn chòi có kết cấu đòn tay gỗ, mái lợp thiếc, diện tích 4,5m² (có tuyên tứ cạnh kèm theo).

3. Ông Huỳnh Bạc T có trách nhiệm trả cho ông Lâm Văn B số tiền 61.113.690 đồng. Ông Lâm Văn B có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Bạc T số tiền 61.113.690 đồng. Được đối trừ xong.

4. Đình chỉ đối với yêu cầu của ông Huỳnh Bạc T về việc yêu cầu ông Lâm Văn B trả lại phần đất có diện tích 325,6m² tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và trả lại tiền nhận bồi thường thu hồi đất là 20.738.820 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; về án phí; lãi suất trong giai đoạn thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14 tháng 12 năm 2018, bị đơn ông Lâm Văn B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lâm Văn B trình bày: Đất ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp cho hộ, hộ ông B gồm có 10 người, cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ những thành viên trong hộ gia đình ông B tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thấy rằng bằng khoán đất là tài liệu tiếng nước ngoài nhưng không có dịch thuật là vi phạm tố tụng. Ông B quản lý, sử dụng đất trên 30 năm, trong quá trình sử dụng đất ông B đã đóng thuế đầy đủ cho nhà nước. Ông T cho rằng ông B ở nhờ trên đất của người khác nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh. Đối với lời khai của những người làm chứng không được xem là chứng cứ do những người làm chứng không trực tiếp chứng kiến, có người làm chứng sinh năm 1972, khi đó ông B đã ở

trên đất trước đó, nên lời khai của những người làm chứng này là mâu thuẫn. Do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Lâm Văn B nộp trong thời hạn luật định và hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/9/2018 (bút lục số 477-479); Mặt bằng hiện trạng phần đất tranh chấp (bút lục số 480) và Biên bản xác minh ngày 27/03/2019 thể hiện:

+ Phần đất ông Huỳnh Bạc T đòi ông Lâm Văn B trả có diện tích 51,1m², thuộc một phần thửa số 57, tờ bản đồ số 03 lập năm 1999, đất tọa lạc tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Bắc giáp đất của ông Huỳnh Bạc T có số đo 0,22m + 1,62m + 1,17m + 1,85m.

Hướng Nam giáp phần đất Nhà nước đã thu hồi có số đo 3,68m (phần đất Nhà nước thu hồi giáp với đường Tỉnh lộ 38, từ vị trí này đến đường Tỉnh lộ 38 cạnh hướng Đông là 6,07m, cạnh hướng Tây là 5,82m).

Hướng Đông giáp đất của ông Đỗ Thanh H có số đo 9,50m.

Hướng Tây giáp đất tranh chấp ông Lâm Văn B đòi ông Huỳnh Bạc T có số đo 0,57m + 3,18m + 8,43m.

Hiện trạng: Trên đất có một căn nhà loại IV.2C3, khung cột bê tông cốt thép, mái Fibro Ciment, đòn tay gỗ dầu, vách thiếc, nền gạch Cement, diện tích 45,6m². Chòi có kết cấu đòn tay gỗ, mái lợp thiếc, diện tích 4,5m².

+ Phần đất ông Lâm Văn B yêu cầu ông Huỳnh Bạc T trả lại có diện tích 263,8m², đất tọa lạc tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Phần đất có vị trí và số đo như sau:

Hướng Bắc giáp đất của ông Huỳnh Bạc T có số đo 16,86m.

Hướng Nam giáp đường T có số đo 17,74m.

Hướng Đông giáp đất tranh chấp nêu trên có số đo 5,62m + 3,18m + 8,43m.

Hướng Tây giáp đất của bà Quách Thị T có số đo 14,01m.

Hiện trạng trên đất: Đất trống.

[4] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

[4.1] Ông T xác định năm 1969 ông Nguyễn Văn N có chuyển nhượng cho cha của ông là Huỳnh S phần đất diện tích 7ha 91a 2 ca, thuộc bằng khoán số 127 lô 23, tờ thứ 6, đất tọa lạc tại xã V, Bạc Liêu (nay thuộc đường T Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu). Sau khi nhận chuyển nhượng đất, ông S đồng ý cho nhiều hộ dân khác có nhu cầu chôn cất người thân trong một phần đất giáp lộ. Do phần đất này có mồ mã nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất phía sau khu đất chòm mã ông Suối đã được chính quyền chế độ cũ cấp bằng khoán điền thổ vào năm 1970. Vào năm 1988 ông Biển không có chỗ ở, nên ông đồng ý cho ông B đến phần đất có mồ mã của ông che chòi ở tạm. Sau đó, ông B san lấp, lấn chiếm đất rộng thêm, nên phát sinh tranh chấp vào năm 2003.

[4.2] Ông B xác định năm 1977 ông không có chỗ ở, thấy phần mương lộ cặp lộ V trống, nên bồi đắp và cất một cái nhà nhỏ để ở. Sau mương lộ là khu đất chòm mã trước đây là của ông K, ông K cho những người không có chỗ chôn cất để chôn người thân. Thời điểm ông đến san lấp đất để cất nhà ở, phần đất mương lộ là đất công cộng của nhà nước, nên khi ông san lấp đất cất nhà ở không hỏi xin ai. Đất của ông sử dụng giáp lộ, rồi đến phần đất mồ mã, sau đó mới đến đất ông T. Trong quá trình sử dụng ông bồi đắp thêm rộng ra.

[5] Hội đồng xét xử, xét thấy:

[5.1] Tại Công văn số 538/PTNMT ngày 24/9/2013 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B xác định toàn bộ phần đất chòm mã, trong đó có thửa đất số 57, tờ bản đồ năm 1999 không phải là đất sử dụng vào mục đích công cộng, nên ông B xác định phần đất ông B đến san lấp để cất nhà ở là đất công cộng của Nhà nước là không có căn cứ.

[5.2] Những người dân sinh sống tại địa phương, những người có thân nhân được chôn tại khu đất chòm mã gồm ông Trần Văn N, ông Tăng Văn C, bà Lý Thị N, ông Nguyễn Tấn K, ông Lưu Hoàng N, ông Quách Văn M, ông Huỳnh Văn T,

bà Trần Cẩm V, bà Trần Thị S, bà Lâm Ngọc B, bà Dương Thị P, bà Bùi Chuối R, ông Trần Văn T, bà La Thị H thống nhất xác định khu đất chòm mã thuộc Khóm 8, Phường 5, thành phố B gồm nương lộ cặp T, đến phần đất chòm mã, sau đó là vũng mã; khu đất chòm mã trước đây là của ông Nguyễn Văn N bán cho ông Huỳnh S, sau khi ông S chết để lại cho con là ông T quản lý, sử dụng; trước đây ông N cho những người không có đất được chôn cất thân nhân tại khu đất của mình, sau này khi bán lại cho ông S thì những người không có đất chôn cất thân nhân cũng đến hỏi ông S, sau khi ông S chết thì hỏi ông T, được sự đồng ý của ông S hay ông T thì mới được chôn cất thân nhân trên phần đất chòm mã này. Có căn cứ xác định hai phần đất tranh chấp nêu trên thuộc quyền sử dụng của ông T. Ông B không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bác đơn yêu cầu phản tố của ông B là có căn cứ.

[6] Trên phần đất ông T yêu cầu ông B trả có căn nhà và căn chòi phía bên hông nhà thuộc quyền sở hữu của ông B, cấp sơ thẩm giao căn nhà trên đất cho ông T quản lý, sử dụng và buộc ông T trả lại giá trị nhà cho ông B số tiền là 19.425.600 đồng là phù hợp. Ông B quản lý, sử dụng hai phần đất tranh chấp từ trước năm 2003, trong đó có phần đất ông B yêu cầu ông T phải trả, ông B đã quản lý, sử dụng từ trước năm 2003, đến cuối năm 2017 ông T quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng đất, ông B có công tôn tạo, quản lý đất, nên cấp sơ thẩm buộc ông T trả cho ông B số tiền 41.688.090 đồng tiền công tôn tạo, quản lý đất là phù hợp.

[7] Đối với phần tiền bồi thường khi bị thu hồi đất: Ông B thừa nhận vào năm 2005 ông đã nhận bồi thường đối với phần đất Nhà nước đã thu hồi với tổng số tiền bồi thường là 61.113.690 đồng. Phần đất Nhà nước thu hồi bao gồm phần đất phía trước nhà ông B đang sử dụng, ông T có tranh chấp và phần đất bị thu hồi phía trước phần đất ông T đang sử dụng ông B có tranh chấp đòi lại. Do có căn cứ xác định toàn bộ phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của T về việc buộc ông B trả lại khoản tiền ông B đã nhận bồi thường đất bị thu hồi là 61.113.690 đồng là có căn cứ. Số tiền bồi thường 61.113.690 đồng ông B trả lại cho ông T được đối trừ với số tiền 61.113.690 đồng ông T phải trả cho ông B (trong đó giá trị căn nhà là 19.425.600 đồng và tiền công tôn tạo, quản lý đất là 41.688.090 đồng). Số tiền ông T phải trả cho ông B tương đương với số tiền ông B phải trả cho ông T, nên được đối trừ và không ai phải trả cho ai khoản tiền nào khác.

[8] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thấy rằng: Đất tranh chấp cơ quan chuyên môn xác định do ông T kê khai tại thửa số 57. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông B xác định đất tranh chấp ông B chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 100m² không phải là

phần đất tranh chấp và ông B đã chuyển nhượng cho người khác phần đất ông B được cấp giấy. Do đó, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng do không đưa đầy đủ các thành viên trong hộ gia đình ông B tham gia tố tụng là không đúng. Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ thấy rằng cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ và xác minh lời khai những người làm chứng hiểu biết vụ việc, những người làm chứng hầu hết là những người cao tuổi, tất cả họ đều thống nhất xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông S (ông S là cha của ông T). Đối với tài liệu vừa có chữ nước ngoài, vừa có chữ Việt Nam, cấp sơ thẩm không dịch thuật là không vi phạm do không cần thiết phải dịch thuật.

[9] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn B và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lâm Văn B, có căn cứ chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên và đã có hiệu lực pháp luật.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Lâm Văn B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 157, Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Văn B. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 57/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bạc T về việc yêu cầu ông Lâm Văn B giao trả quyền sử dụng đất diện tích 51,1m², thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 3 lập năm 1999, đất tọa lạc tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và trả lại tiền nhận bồi thường thu hồi đất.

Buộc ông Lâm Văn B giao trả cho ông Huỳnh Bạc T diện tích đất 51,1m², thuộc một phần thửa đất số 57, tờ bản đồ số 3 lập năm 1999, đất tọa lạc tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và tài sản gắn liền với đất gồm căn nhà loại IV.2C3, khung cột bê tông cốt thép, mái Fibro Ciment, đòn tay gỗ dầu, vách thiếc, nền gạch Cement, diện tích 45,6m²; căn chòi có kết cấu đòn tay gỗ, mái lợp thiếc, diện tích 4,5m². Phần đất và căn nhà trên đất nằm trong phạm vi lộ giới quy hoạch, nên tạm giao cho ông Huỳnh Bạc T quản lý, sử dụng. Phần đất có vị trí và số đo cụ thể như sau:

Hướng Bắc giáp đất của ông Huỳnh Bạc T có số đo 0,22m + 1,62m + 1,17m + 1,85m.

Hướng Nam giáp phần đất Nhà nước đã thu hồi có số đo 3,68m (phần đất Nhà nước thu hồi giáp với đường T, từ vị trí này đến đường T cạnh hướng Đông là 6,07m, cạnh hướng Tây là 5,82m).

Hướng Đông giáp đất của ông Đỗ Thanh H có số đo 9,50m.

Hướng Tây giáp đất tranh chấp ông Lâm Văn B đòi ông Huỳnh Bạc T có số đo 0,57m + 3,18m + 8,43m.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lâm Văn B về việc yêu cầu ông Huỳnh Bạc T giao trả quyền sử dụng đất diện tích 263,8m² tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bạc T về việc yêu cầu ông Lâm Văn B trả lại phần đất có diện tích 325,6m² tại Khóm 8, Phường 5, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu và trả lại tiền nhận bồi thường thu hồi đất là 20.738.820 đồng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 2.430.000 đồng, ông Lâm Văn B phải chịu toàn bộ. Ông Huỳnh Bạc T đã nộp số tiền 1.700.000 đồng, ông Lâm Văn B đã nộp số tiền 730.000 đồng, đã chi xong. Ông Lâm Văn B có trách nhiệm trả lại cho ông Huỳnh Bạc T số tiền 1.700.000 đồng.

5. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lâm Văn B phải chịu 400.000 đồng. Ông Lâm Văn B đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008036 ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí. Ông Lâm Văn B phải nộp tiếp án phí số tiền 100.000 đồng.

Ông Huỳnh Bạc T không phải chịu án phí. Ông Huỳnh Bạc T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.022.000 đồng theo biên lai thu số 006133 ngày 13/01/2016 và số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007613 ngày 07/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

+ Án phí phúc thẩm: Ông Lâm Văn B phải chịu 300.000 đồng. Ông Lâm Văn B đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000188 ngày 17/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều